

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PHÂN BÓN HÙNG PHÁT T.H**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PHÂN BÓN HÙNG PHÁT T.H

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109268189

**3. Ngày thành lập:** 15/07/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà số 07 lô 47 Khu B Geleximco đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2012        |
| 2.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn hoá chất công nghiệp: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh, Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: hạt, bột, bột nhão; Bán buôn vật tư nguyên liệu ngành đóng gói; Bán buôn bao bì các loại | 4669(Chính) |
| 3.  | Bán buôn tổng hợp<br>( mặt hàng Nhà nước cho phép )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4690        |
| 4.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết : Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ,                                                                                                                                                                                                                                                          | 4773        |
| 5.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8292        |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết : Đại lý bán hàng hưởng hoa hồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4610        |
| 7.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết : Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng; gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng; sơn, vécni; gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim                                                                                                                                                                                                                                                   | 4663        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết : Bán lẻ đồ ngũ kim; sơn, màu, véc ni; kính xây dựng; đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4752 |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết : Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4662 |
| 11. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3811 |
| 12. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3812 |
| 13. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3822 |
| 14. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác<br>Chi tiết: Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học ; khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân ; khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học; Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển; Huỷ bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác; hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác. | 3900 |
| 15. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3600 |
| 16. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3700 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐĂNG HÙNG  | B5 ngõ 2 phố Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 400.000    | 4.000.000.000         | 40,000    | 001072002202                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                        | Tổng số                   | 400.000    | 4.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                        |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | Thôn Hoàn Dương, Xã Mộc Bắc, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông         | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    | 035172003169                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                        | Tổng số                   | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                        |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |               |                                                                     |                           |         |               |        |              |
|---|---------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | HOÀNG VĂN QUÝ | Thôn Hoàn Dương, Xã Mộc Bắc, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 500.000 | 5.000.000.000 | 50,000 | 035070003051 |
|   |               |                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                     | Tổng số                   | 500.000 | 5.000.000.000 | 50,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG VĂN QUÝ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/02/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 035070003051

Ngày cấp: 22/06/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hoàn Dương, Xã Mộc Bắc, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Nhà số 07 lô 47 Khu B Geleximco đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội